



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 228 + 229

Ngày 15 tháng 11 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

13-8-2025	Quyết định số 634/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.	3
30-8-2025	Quyết định số 1232/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực dược phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.	21
30-8-2025	Quyết định số 1233/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu.	27
30-8-2025	Quyết định số 1236/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm.	30

-
- | | | |
|-----------|--|----|
| 04-9-2025 | Quyết định số 1270/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo hiểm y tế, Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. | 54 |
| 05-9-2025 | Quyết định số 1275/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản. | 59 |

VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 634/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2051/TTr-SNNMT-VP ngày 07 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 02 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố cấu hình quy trình điện tử đối với thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt quy trình nội bộ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục theo dõi, kịp thời tham mưu điều chỉnh quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính khi văn bản quy định thủ tục hành chính được ban hành mới, thay thế, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ.

3. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ để triển khai thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các quy trình nội bộ đã được phê duyệt trước đây đối với thủ tục hành chính nêu tại danh mục kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Trung tâm

Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lộc Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Stt	Tên Quy trình nội bộ
I	Lĩnh vực Quản lý công sản
1	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
2	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại

QUY TRÌNH SỐ 01**Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý)***(Kèm theo Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025**của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)***I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ**

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ trình của chủ đầu tư dự án/đơn vị chủ trì quản lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý và sử dụng tài sản công) về việc giao tài sản cho đối tượng quản lý	01 bản chính	
2	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng	01 bản chính	
3	Văn bản đề nghị được giao tài sản của đối tượng quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định 08/2025/NĐ-CP (trong trường hợp dự kiến giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã)	01 bản chính	
4	Danh mục tài sản đề nghị giao (theo Mẫu số 01/DM)	01 bản chính	
5	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Điều 106 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công) và hồ sơ hoàn thành công trình, văn bản phê duyệt quyết toán (nếu có)	01 bản chính	
6	Hồ sơ hoàn thành công trình: Quyết định phê duyệt dự án đầu tư; bản vẽ hoàn công; quy trình vận hành, quy trình bảo trì; biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình/hạng mục công trình thủy lợi	01 bản sao	
7	Văn bản phê duyệt quyết toán/Biên bản nghiệm thu A-B (trong trường hợp chưa có văn bản phê duyệt quyết toán)	01 bản sao	
8	Hồ sơ pháp lý về đất đai (nếu có)	01 bản sao	
9	Giấy tờ khác có liên quan (nếu có)	01 bản sao	

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<ul style="list-style-type: none"> - Hồ sơ trực tiếp và bưu chính công ích tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ Quốc gia: https://dichvucong.gov.vn 	60 ngày (tương đương 43 ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 02 BM 03	<p>Tiếp nhận trực tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B3 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá nhân qua Cổng Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu <p>=> Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận. Sau khi tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn về thủy lợi.</p>
B2	Phân công Chuyên viên thụ lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Chuyển hồ sơ đến chuyên viên được phân công thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	- Trường hợp hồ sơ chưa đủ căn cứ thực hiện giao, thực hiện bước B4 (văn bản trả hồ sơ). - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện thực hiện giao quản lý, thực hiện tiếp Bước B5
B4. Trường hợp hồ sơ chưa đủ căn cứ thực hiện giao					
B4.1	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Trình Lãnh đạo phòng chuyên môn văn bản trả hồ sơ
B4.2	Ký duyệt hồ sơ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Chuyển văn thư
B4.3	Phát hành văn bản	Văn thư UBND cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Gửi đến tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ
Trường hợp hồ sơ đủ căn cứ thực hiện giao					
B5	Lấy ý kiến cơ quan, đơn vị có liên quan	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Văn bản đề nghị phòng chuyên môn quản lý tài sản công cấp xã, cơ quan, đơn vị liên quan có ý kiến trong vòng 05 ngày làm việc.
B6	Phê duyệt văn bản	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Ký duyệt văn bản chuyển văn thư phát hành

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		xã			
B7	Ban hành văn bản	Văn thư UBND cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Gửi đến phòng chuyên môn quản lý tài sản công cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan
B8	Văn bản ý kiến	Phòng chuyên môn quản lý tài sản công cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan	12 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Gửi đến Phòng chuyên môn phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã
B9	Tổng hợp ý kiến, hoàn thiện dự thảo quyết định	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Trình Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã
B10	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	06 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Ký duyệt văn bản, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã
B11	Ký duyệt	Chủ tịch UBND cấp xã	05 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Ký duyệt Văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Quyết định giao quản lý tài sản
B12	Ban hành văn bản	Văn thư UBND cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành Văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính. - Gửi về Sở Nông

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					nghiệp và Môi trường để biết và theo dõi.
B13	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo giấy hẹn	- Văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính. - BM05	- Nhận hồ sơ; - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM03	Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính
4	Mẫu số 01/DM	Danh mục tài sản đề nghị giao

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả
5	BM 05	Phiếu kiểm soát quá trình
6		Kết quả giải quyết TTHC
7		Thành phần hồ sơ tại mục I
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính./.

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO**Mẫu số 01/DM****DANH MỤC GIAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI**

TT	Tên tài sản	Loại công trình	Đơn vị tính	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Quy mô công trình(1)	Diện tích đất gắn với công trình thủy lợi (m ²)(2)	Nguyên giá tài sản xác định theo khoản 3 Điều 11 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP đối với công trình đầu tư mới (đồng)	Giá trị đánh giá lại đối với công trình là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (đồng)	Ghi chú (3)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng									
I	Hồ chứa (địa điểm)									
1	Đập		Cái							
2	Tràn		Cái							
3	Cống		Cái							
	...									
II	Đập dâng		Cái							
	...									
III	Trạm bơm (địa điểm)		Trạm							
	...									
IV	Cống (địa điểm)		Cái							
	...									
V	Kênh (địa điểm)		Km							
	...									
	Tổng cộng									

Ghi chú:

-
- (1) Quy mô công trình là các thông số kỹ thuật chính (dung tích hồ, mực nước dâng bình thường; cao trình đỉnh đập, chiều dài đập, chiều cao đập; chiều rộng tràn, cao độ...).
 - (2) Diện tích đất kê khai tại cột số 9 là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất theo hồ sơ cắm mốc phạm vi bảo vệ công trình/hạng mục công trình hoặc hồ sơ hoàn thành công trình/hạng mục công trình hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
 - (3) Ghi rõ việc giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định tại Điều 7/Điều 8/Điều 9 Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi./.

QUY TRÌNH SỐ 02**Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại**

(Ban hành kèm Quyết định số 634/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị thanh lý/xử lý tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có tài sản (trong đó xác định cụ thể việc thanh lý/xử lý tài sản thuộc trường hợp nào theo quy định tại khoản 1 Điều này)	01 bản chính	
2	Danh mục tài sản đề nghị thanh lý/xử lý (chủng loại, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản)	01 bản chính	
3	Hồ sơ có liên quan khác (nếu có)	01 bản sao	

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN THỰC HIỆN, LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
- Hồ sơ trực tiếp và bưu chính công ích tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ Quốc gia: https://dichvucong.gov.vn	30 ngày (tương đương với 21 ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra,	Trung tâm	0,5	Theo mục I	Tiếp nhận trực tiếp:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
	tiếp nhận hồ sơ	Phục vụ hành chính công cấp xã	ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B3 - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03 <p>Tiếp nhận qua Cổng Dịch vụ công trực tuyến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; kiểm tra thông tin chữ ký số để đảm bảo tính xác thực, hợp lệ (nếu có). - Sau khi kiểm tra, nếu bảo đảm các điều kiện để tiếp nhận, Công chức Một cửa tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và xử lý hồ sơ theo quy trình. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định thì thông báo cho tổ chức, cá nhân qua tài khoản của tổ chức, cá

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>nhân qua Công Dịch vụ công và hướng dẫn đầy đủ, cụ thể để tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ theo yêu cầu</p> <p>=> Thời gian tiếp nhận chính thức hoặc yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung không muộn hơn 08 giờ làm việc kể từ khi hệ thống tiếp nhận.</p> <p>Sau khi tiếp nhận hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn về thủy lợi.</p>
B2	Phân công Chuyên viên thụ lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 06	Chuyển hồ sơ đến chuyên viên được phân công thụ lý
B3	Thẩm định hồ sơ	Chuyên viên phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	01 ngày làm việc (hồ sơ chưa hợp lệ) 15 ngày làm việc (hồ sơ hợp lệ)	Theo mục I BM 05	<p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ căn cứ thực hiện giao, thực hiện bước B4 (văn bản trả hồ sơ).</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện thực hiện giao quản lý: Soạn thảo Tờ trình, Danh mục tài sản, Dự thảo Quyết định thanh lý/xử lý tài sản KCHTTL, thực hiện tiếp Bước B5</p>
B4. Trường hợp hồ sơ chưa đủ căn cứ thực hiện thanh lý/xử lý					
B4.1	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo phòng chuyên	0,5 ngày làm	Theo mục I BM 05	Trình Lãnh đạo phòng chuyên môn văn bản trả hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/ Biểu mẫu	Diễn giải
		môn thuộc UBND cấp xã	việc		
B4.2	Ký duyệt hồ sơ	Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Chuyển văn thư
B4.3	Phát hành văn bản	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Gửi đến tổ chức/cá nhân nộp hồ sơ
Trường hợp hồ sơ đủ căn cứ thực hiện thanh lý/xử lý					
B5	Xem xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng chuyên môn phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Ký duyệt văn bản chuyển văn thư
B6	Ký duyệt	Chủ tịch UBND cấp xã	02 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	Ký duyệt Văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Quyết định thanh lý/ xử lý tài sản
B7	Ban hành văn bản	Văn thư UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 05	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành Văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính. - Gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để biết và theo dõi.
B8	Trả kết quả, thống kê, theo dõi	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Theo giấy hẹn	Văn bản kết quả giải quyết thủ tục hành chính. BM05	- Nhận hồ sơ; - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM03	Phiếu từ chối giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Phiếu xin lỗi và hẹn ngày trả kết quả
5	BM 05	Phiếu kiểm soát quá trình
6		Kết quả giải quyết TTHC
7		Thành phần hồ sơ tại mục I
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 08/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1232/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC CÔNG BỐ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH
LĨNH VỰC DƯỢC PHẨM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2147/TTr-SYT ngày 14 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Dược phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Y tế rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến

trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC
ĐƯỢC PHẪM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<p>Thẩm định điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự và đánh giá đáp ứng thực hành tốt đối với cơ sở có hoạt động phân phối thuốc, nguyên liệu làm huốc không vì mục đích thương mại (trường hợp cơ sở có đề nghị); Đánh giá định kỳ; Kiểm soát thay đổi về điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân sự đối với cơ sở bán buôn thuốc,</p>	<p>Trường hợp A: Thời hạn giải quyết tùy thuộc mức độ đáp ứng của cơ sở: - Nếu đáp ứng mức độ 1: 10 ngày; - Nếu đáp ứng mức độ 2: + 05 ngày cho cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản yêu cầu khắc phục; + Cơ sở khắc phục và gửi báo cáo khắc phục: Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Cơ quan tiếp nhận gửi Báo cáo đánh giá có nội dung yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ sở bảo quản phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung. Sau thời hạn trên, cơ sở bảo quản không sửa đổi, bổ sung hoặc sau 12</p>	<p>Bộ phận Một cửa của Sở Y tế: - Khu vực I: Số 59 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Thành. - Khu vực II: Tòa nhà Trung tâm hành chính, đường Lê Lợi, phường Bình Dương. - Khu vực III: Số 4 Nguyễn Tất Thành, phường Bà Rịa.</p>	<p>- Đối với cơ sở phân phối (có đánh giá thực tế tại cơ sở): 4.000.000 đồng. - Đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (có đánh giá thực tế tại cơ sở): 500.000</p>	<p>1. Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016. 2. Luật số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược. 3. Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dược. 4. Thông tư số 41/2023/TT-BTC ngày 12/06/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực dược, mỹ phẩm. 5. Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09/02/2018</p>

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
nguyên liệu làm thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc.	<p>tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị lần đầu mà hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ đề nghị đã nộp không còn giá trị.</p> <p>+ 20 ngày cho cơ quan tiếp nhận đánh giá báo cáo khắc phục, ban hành văn bản xử lý kết quả.</p> <p>- Nếu đáp ứng mức độ 3: 05 ngày ra văn bản thông báo.</p> <p>Trường hợp B: Thời hạn giải quyết tùy thuộc mức độ đáp ứng của cơ sở tại biên bản đánh giá GDP / GPP:</p> <p>- Nếu đáp ứng GDP mức độ 1 hoặc cơ sở bán lẻ thuốc đáp ứng GPP: 10 ngày;</p> <p>- Nếu đáp ứng mức GDP độ 2 hoặc cơ sở bán lẻ thuốc phải báo cáo khắc phục:</p> <p>+ 05 ngày cho cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản yêu cầu khắc</p>		<p>đồng.</p> <p>- Đối với cơ sở bán lẻ tại các địa bàn còn lại (có đánh giá thực tế tại cơ sở): 1.000.000 đồng.</p>	<p>của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</p> <p>6. Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.</p> <p>7. Thông tư số 11/2025/TT-BYT ngày 16/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc, Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc, Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế</p>

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>phục; + 45 ngày cho cơ sở khắc phục; + 20 ngày cho cơ quan tiếp nhận đánh giá báo cáo khắc phục. Trường hợp việc khắc phục chưa đạt, gia hạn thêm 45 ngày cho cơ sở tiếp tục khắc phục.</p> <p>- Nếu đáp ứng GDP mức độ 3 hoặc cơ sở bán lẻ thuốc chưa đáp ứng GPP: 05 ngày ban hành văn bản thông báo về việc không đáp ứng GPP/GDP.</p> <p>Trường hợp C: Thời hạn giải quyết tùy thuộc mức độ đáp ứng của cơ sở:</p> <p>- Nếu cơ sở không phải khắc phục: 10 ngày; - Nếu cơ sở phải khắc phục: + 10 ngày cho cơ quan tiếp nhận ban hành văn bản yêu cầu khắc phục;</p>			<p>quy định về thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.</p> <p>8. Quyết định số 2546/QĐ-BYT ngày 11/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Dược phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 01 năm 2018, Thông tư số 03/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018, Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 và Thông tư số 11/2025/TT-BYT ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p>

Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	+ 45 ngày cho cơ sở khắc phục; + 10 ngày cho cơ quan tiếp nhận đánh giá báo cáo khắc phục và ban hành văn bản về xử lý kết quả			

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1233/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1371/TTr-SCT ngày 12 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Công Thương rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công

trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none">- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó tràn dầu.- Quyết định số 24/2025/QĐ-TTg ngày 16 tháng năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu ban hành kèm theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.- Quyết định số 3717/QĐ-BQP ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ Quốc phòng về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực ứng phó sự cố tràn dầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1236/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực An toàn thực phẩm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 820/TTr-SATTP ngày 13 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 11 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm (Bộ Y tế).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở An toàn thực phẩm rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công

trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 12 mục I tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM**

(Kèm theo Quyết định số 1236/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	07 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (Số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 750.000 đồng/lần/sản phẩm. - Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi: 1.500.000đồng /1 sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực Y tế. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>
2	<p>Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi</p>	<p>07 ngày làm việc</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>	<p>- Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 750.000 đồng/lần/sản phẩm.</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi: 1.500.000đồng /1 sản phẩm.</p>	<p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm.</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực Y tế.</p> <p>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		<p>- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>
3	<p>Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (mã TTHC 1.013857)</p>	<p>45 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm)</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm</p>	<p>- Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 14.250.000 đồng/lần/đơn vị</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị</p>	<p>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p> <p>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		<p>Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp; - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế. - Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>công tác an toàn thực phẩm.</p> <p>- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>
4	<p>Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (mã TTHC 1.013854)</p>	<p>- 45 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí</p>	<p>- Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 10.250.000đồng/lần/đơn vị</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi</p> <p>Phí:</p>	<p>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p> <p>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		<p>định 148/2025/NĐ-CP. - 30 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>	<p>20.500.000 đồng/lần/đơn vị</p>	<p>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế.- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>
5	<p>Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước (mã TTHC 1.013850)</p>	<p>- 45 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 7 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm).</p> <p>- 30 ngày làm việc nếu hồ sơ</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>	<p>- Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 14.250.000 đồng/lần/đơn vị.</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi Phí: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị.</p>	<p>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p> <p>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		đầy đủ, hợp lệ đối với cơ sở kiểm nghiệm thuộc đối tượng quy định tại Phần 8 Phụ lục 5 Nghị định 148/2025/NĐ-CP CP (không bao gồm thời gian đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm nếu cần thiết).	- Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).		<p>Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</p> <p>- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>- Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.</p> <p>- Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế.- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>
6	<p>Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu</p>	<p>30 ngày làm việc nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (chưa bao gồm thời gian đánh giá cơ sở kiểm nghiệm trong hợp đồng cần thiết)</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố</p>	<p>- Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 14.250.000 đồng/lần/đơn vị.</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi Phí: 28.500.000 đồng/lần/đơn vị</p>	<p>- Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006.</p> <p>- Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá ngày 21/11/2007.</p> <p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.</p> <p>- Nghị định số 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>Á- Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025</p>		<p>Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		<p>127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật. - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>Luật Đo lường.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 107/2008/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực y tế.- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
7	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 550.000 đồng/lần/sản phẩm. - Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi: 1.100.000 đồng/lần/sản phẩm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Luật quảng cáo số 16/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc hội. - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm. - Nghị định số 181/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quảng cáo. - Thông tư số 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế. - Nghị định số 100/2014/NĐ-CP ngày 06/11/2014 của Chính phủ quy định về kinh doanh và sử

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Minh).		<p>dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo;</p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.- Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.- Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.
8	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế	03 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (Số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 500.000 đồng/lần/giấy chứng nhận. - Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi: 1.000.000 đồng/lần/giấy chứng nhận 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế. - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương. - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.
9	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	15 ngày	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: + Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000 đồng/lần/cơ sở + Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn: 350.000 đồng/lần/cơ sở + Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống từ 200 suất ăn trở lên: 500.000 đồng /lần/cơ sở + Phí đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 250.000 đồng/lần/cơ sở + Phí đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế. - Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/08/2021 Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				<p>sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 1.250.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi:</p> <p>+ Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>+ Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>+ Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở</p> <p>+ Phí đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 500.000/lần/cơ sở</p>	<p>Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				+ Phí đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 2.500.000/lần/ cơ sở	
10	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế.	Thời hạn cấp CFS không quá 3 ngày làm việc, kể từ ngày thương nhân nộp hồ sơ đầy đủ, đúng quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, 	<ul style="list-style-type: none"> - Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 500.000 đồng/lần/giấy chứng nhận. - Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi Phí: 1.000.000 đồng/lần/giấy chứng nhận 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật An toàn thực phẩm năm 2010. - Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế. - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).		<p>trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p>
11	Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.	Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương,</p>	<p>- Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026: 500.000 đồng/lần/giấy chứng nhận.</p> <p>- Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi: 1.000.000 đồng/lần/giấy chứng nhận.</p>	<p>- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.</p> <p>- Thông tư số 08/2025/TT-BYT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.</p> <p>- Thông tư số 67/2021/TT-BTC</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Thành phố Hồ Chí Minh). - Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).		ngày 05/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm. - Quyết định số 2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực an toàn thực phẩm quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế. - Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1270/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo hiểm y tế,
Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 2254/TTr-SYT ngày 15 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **03** thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo hiểm y tế, Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, gồm: 01 thủ tục mới ban hành; 01 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và 01 thủ tục bị bãi bỏ.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở Y tế rà soát, đánh giá tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục:

- Thứ tự A.4 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo hiểm y tế; Dược phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

- Tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 250/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tài chính y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Y tế, Thủ trưởng Cơ quan bảo hiểm xã hội, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC
BẢO HIỂM Y TẾ, TÀI CHÍNH Y TẾ THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1270/QĐ-UBND ngày 04 tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực bảo hiểm y tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	Giải quyết ngay sau khi xuất trình hồ sơ	Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Y tế và các Bộ khác về giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán, giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. - Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán được cấp có thẩm quyền 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Thông tư số 01/2025/TT-BYT ngày 01/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật bảo hiểm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
				duyet theo quy định.	y tế. - Quyết định số 2555/QĐ-BYT ngày 12/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo hiểm y tế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực bảo hiểm y tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Cơ quan bảo hiểm xã hội

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thủ tục Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	- Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quyết toán quý trước của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm thông báo kết quả giám định và số quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế. - Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo số quyết toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, cơ quan	Cơ quan bảo hiểm xã hội	Không	- Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội; Luật số 46/2014/QH13 ngày 13/6/2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật số 51/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		bảo hiểm xã hội phải hoàn thành việc thanh toán với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.			số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Quyết định số 2555/QĐ-BYT ngày 12/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo hiểm y tế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực tài chính y tế thuộc thẩm quyền tiếp nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

TT	Mã TTHC	Tên TTHC	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	2.001265	Thủ tục khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế	- Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế. - Quyết định số 2555/QĐ-BYT ngày 12/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo hiểm y tế và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài chính y tế tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1275/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở An toàn thực phẩm tại Tờ trình số 1128/TTr-SATTP ngày 25 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại <https://hochiminhcity.gov.vn> và Cổng Dịch vụ công quốc gia tại <https://dichvucong.gov.vn/p/home/dvc-trang-chu.html>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Sở An toàn thực phẩm, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, đánh giá

tiêu chí để cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; xây dựng quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính, tái cấu trúc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố có trách nhiệm cấu hình thủ tục hành chính trên Hệ thống Thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục có thứ tự III.1, III.2, III.3 tại danh mục thủ tục hành chính ban hành kèm theo Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở An toàn thực phẩm.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở An toàn thực phẩm, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Mạnh Cường

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số 1275/QĐ-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<p>1. Thẩm quyền của Sở An toàn thực phẩm</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (trừ cơ sở sản xuất ban đầu): Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>2. Thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều</p>	700.000 đồng/ cơ sở	<p>- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.</p> <p>- Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Thông tư số 17/2024/TT-BNNPTNT ngày 28/11/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp cơ sở sản xuất ban đầu về sản xuất muối: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường (số 176 Hai Bà Trưng, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh)</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp cơ sở sản xuất ban đầu về thủy sản; tàu cá có chiều dài từ 15 mét trở lên; cảng cá; cơ sở sản xuất nước đá thuộc cảng cá; cơ sở nuôi trồng thủy sản): Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư (số 126GH Phan Đăng Lưu, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Cấp giấy chứng</p>		<p>sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Điều 3 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.</p> <p>- Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.</p> <p>- Quyết định số</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp cơ sở sản xuất ban đầu trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y; cơ sở giết mổ động vật tập trung: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Số 151 Lý Thường Kiệt, phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với trường hợp cơ sở sản xuất ban đầu trong lĩnh vực trồng trọt: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Số 10 Nguyễn Huy Tường, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính</p>		<p>2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		
2	<p>Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p>	<p>03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký cấp CFS đúng quy định.</p>	<p>1. Thẩm quyền của Sở An toàn thực phẩm</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa theo quy định tại Phụ lục III Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở An</p>	<p>- Phí thẩm định và chứng nhận mậu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc.</p> <p>- Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.</p> <p>- Theo quy định hiện hành.</p>	<p>- Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của <u>Luật Quản lý ngoại thương</u>.</p> <p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (mục 1 Phụ lục VI).</p> <p>- Điều 4 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>2. Thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục hàng hóa trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (gồm: Giống cây trồng; Vật tư nông nghiệp, phân bón; Sản phẩm trong sản xuất, thu hoạch sản phẩm trồng trọt; Phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật): Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Số 10 Nguyễn Huy Tưởng, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		<p>quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.</p> <p>- Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y.</p> <p>- Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong chăn nuôi;</p> <p>- Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>Minh).</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục hàng hóa trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y (giống vật nuôi, gia súc, gia cầm, vật nuôi; Vật tư nông nghiệp; Thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; Sản phẩm trong nuôi trồng; Phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản): Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi và Thú y (151 Lý Thường Kiệt, phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục hàng hóa trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư (giống thủy sản; thức ăn thủy</p>		<p>vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>sản, chất bổ sung vào thức ăn thủy sản; chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản); dụng cụ, thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư (số 126GH Phan Đăng Lưu, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		
3	Sửa đổi, bổ sung/	03 (ba) ngày	1. Thẩm quyền của Sở An toàn	Không quy định	- Nghị định số 69/2018/NĐ-

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	làm việc	<p>thực phẩm</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục sản phẩm/nhóm sản phẩm thực phẩm; hàng hóa theo quy định tại Phụ lục III Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở An toàn thực phẩm (số 18 Cách Mạng Tháng Tám, phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>2. Thẩm quyền của Sở Nông nghiệp và Môi trường</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với</p>		<p>CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của <u>Luật Quản lý ngoại thương</u>.</p> <p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (mục 2 Phụ lục VI).</p> <p>- Điều 5 Thông tư số 17/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.</p> <p>- Quyết định số 2309/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>trường hợp danh mục hàng hóa trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật (gồm: Giống cây trồng; Vật tư nông nghiệp, phân bón; Sản phẩm trong sản xuất, thu hoạch sản phẩm trồng trọt; Phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật): Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Số 10 Nguyễn Huy Tường, phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục hàng hóa trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y (giống vật nuôi, gia súc, gia cầm, vật nuôi; Vật tư nông nghiệp; Thức ăn, nguyên liệu sản</p>		<p>trường.</p> <p>- Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>xuất thức ăn chăn nuôi; Sản phẩm trong nuôi trồng; Phụ gia, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp, thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản): Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Chi cục Chăn nuôi và Thú y (151 Lý Thường Kiệt, phường Minh Phụng, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung/cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với trường hợp danh mục hàng hóa trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư (giống thủy sản; thức ăn thủy sản, chất bổ sung vào thức ăn thủy sản; chế phẩm sinh học, hóa chất xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản); dụng cụ, thiết bị chuyên dùng trong nuôi trồng thủy sản: Bộ phận Tiếp nhận và Trả</p>		

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			<p>kết quả của Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư (số 126GH/Phan Đăng Lưu, phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Đường Lê Lợi, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh).</p> <p>- Trung tâm phục vụ hành chính công (Số 04 đường Nguyễn Tất Thành, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh).</p>		

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn